

Số: /PA-UBND

Triệu Sơn, ngày 24 tháng 12 năm 2020

PHƯƠNG ÁN

**Bố trí, sắp xếp giáo viên mầm non trúng tuyển đợt 2 kỳ xét tuyển
viên chức mầm non huyện Triệu Sơn năm 2019**

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả trúng tuyển viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức, bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa và Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017;

Căn cứ Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc quy định định mức bình quân học sinh/lớp học và định mức biên chế cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hành chính các trường mầm non, tiểu học và THCS công lập;

Căn cứ thực trạng số lớp, số CBQL, số giáo viên, nhân viên hiện có của các trường mầm non trên địa bàn huyện năm học 2020 - 2021;

Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ báo cáo phương án bố trí, sắp xếp 17 giáo viên mầm non trúng tuyển đợt 2 kỳ xét tuyển viên chức mầm non huyện Triệu Sơn năm 2019, cụ thể như sau:

I. Định mức cán bộ, giáo viên, nhân viên và thực trạng

1. Định mức theo quyết định 3185/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh:

1.1: Cán bộ quản lý

- Trường hạng 1: có 3 CBQL; 1 nhân viên.
- Trường hạng 2, hạng 3: có 2 CBQL; 1 nhân viên.

1.2: Giáo viên đứng lớp:

- Nhà trẻ:
- + Vùng đặc biệt khó khăn: 8 cháu/1 cô
- + Vùng đồng bằng, trung du: 15 cháu/1 cô
- Mẫu giáo: Vùng đặc biệt khó khăn: 15 cháu/1 cô
- Vùng đồng bằng, trung du: bán trú 30 cháu/2 cô; không bán trú 30 cháu/1 cô

1.3. Số nhóm trẻ và lớp mẫu giáo:

- Vùng đặc biệt khó khăn: Nhà trẻ: 8 cháu/nhóm; Mẫu giáo 15 cháu/lớp
- Vùng đồng bằng, trung du: Nhà trẻ: 15 cháu/nhóm; Mẫu giáo 30 cháu/lớp

2. Thực trạng:

- **Tổng số CBQL, giáo viên và nhân viên mầm non hiện có: 709**

+ CBQL: 85

+ Giáo viên trong biên chế: 469

+ Giáo viên hợp đồng 60 và 2480: 155 (trong đó có 01 hợp đồng 2480).

- **Tổng số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, nhu cầu CBQL và giáo viên theo định mức:**

+ Tổng số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: 393, trong đó nhóm trẻ 88; lớp mẫu giáo 305 trong đó có 3 nhóm, lớp không bán trú.

+ Tổng số nhu cầu CBQL và giáo viên: 798, trong đó CBQL: 103; Giáo viên: 695.

+ Tổng số CNQL và GV thiếu so với nhu cầu: 89, trong đó CBQL 18; GV: 71.
(có bảng tổng hợp cụ thể kèm theo)

II. Phương án bố trí, sắp xếp, điều động:

1. Phương án chung:

- Bố trí, sắp xếp 17 giáo viên trúng tuyển năm 2019 về các trường mầm non đang thiếu giáo viên để cân đối số giáo viên trên lớp của các trường, tạo sự ổn định về lâu dài trong công tác bố trí, điều động giáo viên.

- Ưu tiên bố trí công tác đối với các giáo viên thuộc các đối tượng sau:

+ Các đối tượng thuộc diện ưu tiên xét tuyển theo Nghị định 161 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Số giáo viên đang hợp đồng theo Quyết định 60.

- Số giáo viên còn lại sắp xếp phù hợp theo yêu cầu công việc.

2. Phương án cụ thể: Tổng số giáo viên trúng tuyển 17

2.1. Số giáo viên đang hợp đồng theo Quyết định 60: 5

Ưu tiên phân công công tác tại đơn vị đang hợp đồng.

2.2. Số giáo viên thuộc các đối tượng khác: 12

Phân công công tác phù hợp theo yêu cầu nhiệm vụ.

(có danh sách kèm theo)

III. Tổ chức thực hiện:

Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu cho Chủ tịch UBND huyện ký hợp đồng lao động theo quy định của Pháp luật và bố trí giáo viên về công tác tại các đơn vị trường mầm non trên địa bàn theo phương án trên./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT;
- Lưu: VT, GD, NV.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH PHÂN CÔNG CÔNG TÁC SAU TUYỂN DỤNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch UBND huyện)

S TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị được phân công	Số giáo viên thiếu
1	Lê Thị Phương	19/12/1988	Xuân Lộc, Triệu Sơn	Xuân Thịnh, Triệu Sơn	MN Xuân Thịnh	0 (HĐ 60)
2	Lê Thị Hạnh	06/9/1986	Minh Dân, Triệu Sơn	Thị trấn Triệu Sơn	MN Sơn Ca	-2 (HĐ 60)
3	Hà Thị Nga	14/10/1992	TT. Thọ Xuân, Thọ Xuân	Thọ Cường, Triệu Sơn	MN Thọ Tân	-5
4	Phan Thị Hà	30/4/1989	Xuân Thọ, Triệu Sơn	Thọ Cường, Triệu Sơn	MN Xuân Thọ	0 (HĐ 60)
5	Lê Thị Hương Giang	27/11/1997	Vân Sơn, Triệu Sơn	Dân Lý, Triệu Sơn	MN Dân Lý	-3
6	Lê Thị Hằng	21/10/1996	Thị trấn Nưa, Triệu Sơn	Thị trấn Nưa, Triệu Sơn	MN Họa Mi	-2
7	Lê Thị Hằng	11/9/1996	Thọ Vực, Triệu Sơn	Thọ Vực, Triệu Sơn	MN Dân Lực	-4
8	Trần Thị Hiền	05/02/1991	Dân Quyền, Triệu Sơn	Dân Quyền, Triệu Sơn	MN Dân Quyền	-2 (HĐ 60)
9	Ngô Thị Hòa	29/9/1990	Đông Thắng, Triệu Sơn	Dân Lý, Triệu Sơn	MN Dân Lý	-3
10	Hoàng Thị Oanh	08/5/1993	Đông Tiến, Triệu Sơn	Đông Tiến, Triệu Sơn	MN Đông Tiến	-3
11	Phạm Thị Thắm	04/6/1991	Nông Trường, Triệu Sơn	Nông Trường, Triệu Sơn	MN Nông Trường	-2
12	Nguyễn Thị Tuyết	15/8/1989	Thái Hòa, Triệu Sơn	Thái Hòa, Triệu Sơn	MN Thái Hòa	-2

13	Trương Thị Oanh	04/3/1995	Hợp Thành, Triệu Sơn	Thị Trấn, Triệu Sơn	MN Hoa Sen	-1
14	Trần Thị Phương	08/11/1997	Đông Lợi, Triệu Sơn	Đông Lợi, Triệu Sơn	MN Tiến Nông	-2
15	Trịnh Thị Hiền	01/9/1993	Xuân Du, Như Thanh	Hợp Thành, Triệu Sơn	MN Triệu Thành	-9
16	Nguyễn Thị Duyên	10/10/1989	Hợp Lý, Triệu Sơn	Hợp Lý, Triệu Sơn	MN Hợp Lý	-4
17	Lê Thị Bích Hà	16/5/1985	Hợp Thành, Triệu Sơn	Hợp Tiến, Triệu Sơn	MN Hợp Tiến	-3 (HĐ 60)